

Số: 406/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo
của Trường Đại học Nha Trang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, ban hành và thẩm định chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/03/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang và Quyết định số 777/QĐ-ĐHNT ngày 06/7/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các Trưởng đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung

QUY ĐỊNH

Mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Quyết định số 406/QĐ-ĐHNT ngày 03 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về mở ngành đào tạo và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo. Ngành đào tạo bao gồm một hoặc nhiều chuyên ngành đào tạo.

2. Chuyên ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu của một ngành đào tạo.

3. Chương trình đào tạo (CTĐT) là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo và chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra của CTĐT là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp.

5. Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của CTĐT là yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học CTĐT.

6. Các định hướng của CTĐT gồm định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng và định hướng nghề nghiệp, cụ thể:

a) CTĐT định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ;

b) CTĐT định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người;

c) CTĐT định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

7. CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là CTĐT cấp bằng kỹ sư, yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

8. Thành phần của một CTĐT là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của CTĐT. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của CTĐT (như khối kiến thức giáo dục tổng quát, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, và các thành phần khác).

9. Các bên liên quan đến cơ sở giáo dục bao gồm người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

10. Triết lý giáo dục là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

11. Đối sánh (Benchmarking) là hoạt động đối chiếu và so sánh một cơ sở giáo dục hoặc một CTĐT với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hoặc với cơ sở giáo dục/CTĐT được lựa chọn.

12. Đơn vị quản lý đào tạo: Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Đào tạo Sau đại học được giao nhiệm vụ quản lý việc phát triển ngành và CTĐT ở các trình độ tương ứng.

Điều 3. Yêu cầu chung đối với chương trình đào tạo

1. Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có) và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động.

3. Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn.

4. Được tham khảo, đối sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

5. Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các môn học hoặc học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của CTĐT được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các môn học hoặc học phần.

6. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của môn học hoặc học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra;

7. Có quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT, bảo đảm chất lượng đào tạo;

8. Được Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) của Trường có ý kiến thông qua trước khi trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành.

Điều 4. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ đại học

1. CTĐT trình độ đại học gắn với một ngành, chuyên ngành (kiểu đơn ngành), hoặc với một vài ngành (kiểu ngành chính – ngành phụ, kiểu song ngành, kiểu đa ngành hoặc kiểu liên ngành); theo định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; gắn với hoạt động đào tạo, điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.

2. Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ đại học ứng với bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Chuẩn đầu vào của CTĐT trình độ đại học và CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

5. Khối lượng học tập của CTĐT đại học là từ 131 đến 150 tín chỉ đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; từ 80 đến 95 tín chỉ đối với chương trình liên thông từ trung cấp lên đại học; từ 50 đến 65 tín chỉ đối với chương trình liên thông từ cao đẳng lên đại học; từ 50 đến 55 tín chỉ đối với chương trình liên thông từ đại học sang đại học.

Khối lượng học tập của CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là từ 161 đến 170 tín chỉ. Khối lượng học tập của các CTĐT đặc biệt khác sẽ do Hội đồng KH&ĐT xem xét tư vấn Hiệu trưởng quyết định.

6. Phương pháp đào tạo ở trình độ đại học được thực hiện bằng cách phối hợp các hình thức học tập lý thuyết kết hợp thực hành, tự học, tự nghiên cứu, coi trọng việc phát triển năng lực ứng dụng, giải quyết những vấn đề chuyên môn trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường.

7. CTĐT trình độ đại học được cấu trúc từ khối kiến thức giáo dục tổng quát và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Nhà trường có quy định riêng về cấu trúc chi tiết của CTĐT trình độ đại học.

8. Khối kiến thức giáo dục tổng quát cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng nền tảng, tổng quát để thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội và chuẩn bị cho giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp. Nhà trường có quy định riêng về chương trình giáo dục tổng quát.

9. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng, thái độ thích hợp với lĩnh vực chuyên môn của CTĐT.

10. CTĐT liên thông trình độ đại học được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các CTĐT khác.

11. Yêu cầu đối với CTĐT theo hình thức vừa làm vừa học tương tự như CTĐT theo hình thức đào tạo chính quy.

Điều 5. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

1. CTĐT trình độ thạc sĩ gắn với một ngành, chuyên ngành đào tạo hoặc liên ngành và theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá.

2. Mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ: nhằm giúp cho học viên cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo. Tùy theo định hướng đào tạo, CTĐT trình độ thạc sĩ có những mục tiêu cụ thể như sau:

a) CTĐT thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu: cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách và các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia CTĐT trình độ tiến sĩ;

b) CTĐT thạc sĩ theo định hướng ứng dụng: giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, thiết kế sản phẩm, xây dựng quy trình, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp; có khả năng phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế nơi làm việc; có thể học bổ sung thêm một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia CTĐT trình độ tiến sĩ.

3. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ thạc sĩ bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp,

ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phải đạt bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Chuẩn đầu vào đối với CTĐT trình độ thạc sĩ:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 hoặc tương đương trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

5. CTĐT trình độ thạc sĩ phải bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các CTĐT khác; bảo đảm quy định về chuẩn CTĐT,

6. Khối lượng học tập của CTĐT trình độ thạc sĩ là 60 tín chỉ trừ một số CTĐT có yếu tố nước ngoài và CTĐT đặc thù Trường có quy định riêng.

7. Phương pháp đào tạo ở trình độ thạc sĩ được thực hiện bằng cách phối hợp các hình thức học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu, coi trọng việc phát triển năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên và phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường.

8. Cấu trúc CTĐT trình độ thạc sĩ gồm các khối kiến thức: tổng quát, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, nghiên cứu khoa học (đối với chương trình định hướng nghiên cứu); thực tập, trải nghiệm sản xuất và nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai (đối với chương trình định hướng ứng dụng); luận văn thạc sĩ (đối với chương trình định hướng nghiên cứu) hoặc học phần tốt nghiệp (có thể là đề án, đồ án hoặc dự án đối với chương trình định hướng ứng dụng). Khung CTĐT trình độ thạc sĩ được quy định theo hướng dẫn của Hội đồng phát triển CTĐT.

Điều 6. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. CTĐT trình độ tiến sĩ gắn với một ngành, chuyên ngành đào tạo, thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá.

2. Mục tiêu của CTĐT trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

3. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ tiến sĩ bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. CTĐT trình độ tiến sĩ phải bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các CTĐT khác; bảo đảm quy định về chuẩn chương trình giáo dục đại học.

5. Khối lượng học tập của CTĐT trình độ tiến sĩ là 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

6. Phương pháp đào tạo ở trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn và phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường.

7. Cấu trúc của CTĐT trình độ tiến sĩ gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Khung CTĐT trình độ tiến sĩ được quy định theo hướng dẫn của Hội đồng phát triển CTĐT.

Chương II

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 7. Điều kiện chung

Điều kiện chung khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ bao gồm:

1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở:

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Nhà trường;

b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

2. Về đội ngũ giảng viên: có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn CTĐT của từng trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT;

3. Về cơ sở vật chất:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí

nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học;

b) Có giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu theo quy định của chuẩn CTĐT của từng lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học;

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.

4. CTĐT của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo của Hội đồng trường.

Điều 8. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

Để mở ngành đào tạo trình độ đại học, cần phải đáp ứng các điều kiện chung theo quy định tại Điều 7 của Quy định này. Ngoài ra, phải đáp ứng các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm xem xét mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của CTĐT phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT (quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của CTĐT và bảo đảm mỗi học phần của CTĐT phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỷ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT (quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

4. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của CTĐT, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học.

Điều 9. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Để mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, cần phải đáp ứng các điều kiện chung theo quy định tại Điều 7 của Quy định này. Ngoài ra, phải đáp ứng các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm xem xét mở ngành đào tạo:

1. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

4. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Trường hợp không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định của Bộ Giáo dục

và Đào tạo và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ của Trường; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; xây dựng đề án mở ngành trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

Điều 10. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Để mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, cần phải đáp ứng các điều kiện chung theo quy định tại Điều 7 của Quy định này. Ngoài ra, phải đáp ứng các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm xem xét mở ngành đào tạo:

1. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

2. Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để giảng dạy các nội dung trong CTĐT, trong đó phải có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

4. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Trường hợp không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ của Trường; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xây dựng đề án mở ngành trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo thí điểm.

Điều 11. Quy trình mở ngành đào tạo

1. Quy trình mở ngành đào tạo được thực hiện qua các bước sau:

a) Bước 1: Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo;

- b) Bước 2: Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo;
- c) Bước 3: Xây dựng đề án mở ngành đào tạo;
- d) Bước 4: Hoàn chỉnh điều kiện mở ngành đào tạo;
- đ) Bước 5: Thẩm định đề án mở ngành đào tạo;
- e) Bước 6: Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo.

2. Đơn vị quản lý đào tạo xây dựng các hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn các bên liên quan thực hiện quy trình trên.

Điều 12. Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

1. Trên cơ sở định hướng và kế hoạch phát triển ngành đào tạo của Nhà trường, khoa/viện tiến hành khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xác định nhu cầu của xã hội và người học về ngành đào tạo dự kiến mở, tự đánh giá các điều kiện mở ngành theo quy định này và lập tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình Hiệu trưởng.

2. Nội dung đề xuất chủ trương mở ngành bao gồm:

a) Về sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

b) Về năng lực của Trường, khoa/viện: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của cơ sở đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, CTĐT, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện CTĐT, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội.

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định CTĐT.

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo

phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

Điều 13. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Hội đồng KH&ĐT tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Sau khi có kết luận thẩm định của Hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng trình Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành.

3. Hội đồng trường xem xét và ra quyết định về chủ trương mở ngành đào tạo căn cứ trên các nội dung sau:

a) Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của Trường, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế;

b) Các điều kiện bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả;

c) Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Điều 14. Xây dựng đề án mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trên cơ sở đề xuất của Trưởng khoa/viện và đơn vị quản lý đào tạo.

2. Cơ cấu Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo như sau:

a) Có từ 05 đến 09 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;

b) Bao gồm đại diện khoa, viện quản lý ngành; đại diện đơn vị quản lý đào tạo; đại diện bộ môn tham gia đào tạo; giảng viên cùng ngành, chuyên ngành đào tạo trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT; nhà khoa học, chuyên gia phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Đối với giảng viên, nhà khoa học (cơ hữu hoặc thỉnh giảng): được đào tạo hoặc có kinh nghiệm chuyên môn ngành đúng, ngành phù hợp, có trình độ tiến sĩ (chỉ áp dụng cho đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ), có năng lực phát triển CTĐT;

b) Đối với chuyên gia, đại diện doanh nghiệp: có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và uy tín chuyên môn và quản lý trong ngành đào tạo;

c) Chủ tịch Hội đồng: có trình độ tiến sĩ trở lên đối với Hội đồng xây dựng đề án

mở ngành trình độ đại học, có chức danh phó giáo sư hoặc giáo sư đối với Hội đồng xây dựng đề án mở ngành trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ, là giảng viên cơ hữu của Trường, có kinh nghiệm trong xây dựng và phát triển CTĐT và là người chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

4. Hội đồng xây dựng đề án mở ngành triển khai thực hiện các công việc sau:

a) Lập kế hoạch xây dựng đề án mở ngành;

b) Tổ chức điều tra, khảo sát chính thức nhu cầu xã hội về ngành học;

c) Xây dựng CTĐT theo quy định tại Điều 22 của Quy định này hoặc cập nhật CTĐT theo quy định tại Điều 31 của Quy định này khi mở ngành đào tạo từ chuyên ngành đào tạo hoặc từ ngành đào tạo gần đã có nhằm mục đích nâng cấp các ngành đào tạo của trường.

d) Rà soát điều kiện mở ngành (cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, học liệu,...) và đề xuất kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng đủ điều kiện mở ngành quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12.

Điều 15. Hoàn chỉnh điều kiện mở ngành đào tạo

1. Trong quá trình xây dựng đề án mở ngành, điều kiện chung quy định tại Điều 7 và các điều kiện cụ thể khác ứng với việc mở ngành đào tạo trình độ đại học (Điều 8), trình độ thạc sĩ (Điều 9), trình độ tiến sĩ (Điều 10) phải được chuẩn bị và hoàn chỉnh trước khi tổ chức thẩm định đề án mở ngành.

2. Các đơn vị có liên quan tại Điều 38 của Quy định này có trách nhiệm phối hợp, chuẩn bị và hoàn thiện điều kiện mở ngành trên cơ sở đề xuất về nội dung và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, tuyển dụng và phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

3. Các điều kiện đảm bảo mở ngành đào tạo phải được minh chứng một cách rõ ràng.

Điều 16. Nội dung của đề án mở ngành đào tạo

Đề án mở ngành đào tạo gồm có các nội dung sau:

1. Giới thiệu sơ lược về Nhà trường và khoa/viện, bộ môn có ngành dự kiến mở.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

3. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học (bao gồm hiện có và kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên), điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý đào tạo để mở ngành đào tạo.

4. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo (bao gồm hiện có và kế hoạch đầu tư để đáp ứng đủ điều kiện).

5. Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

ạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định CTĐT.

6. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo.

7. CTĐT (bao gồm cả đề cương học phần), kế hoạch đào tạo và kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo.

8. Các minh chứng kèm theo đề án, bao gồm:

a) Nghị quyết của Hội đồng trường về việc phê duyệt chủ trương mở ngành;

b) Biên bản thông qua đề án mở ngành của Hội đồng KH&ĐT;

c) Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành, hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế;

đ) Các biểu mẫu xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, kỹ thuật viên, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo; lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên cơ hữu đúng ngành, chuyên ngành hoặc thuộc ngành, chuyên ngành gần kèm theo và các bằng tốt nghiệp kèm theo bằng điểm (nếu tốt nghiệp ở nước ngoài thì phải có chứng nhận tương đương văn bằng do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp);

d) Biên bản thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện); có kết luận: đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của hội đồng thẩm định; việc thẩm định CTĐT được thực hiện theo Điều 23 của Quy định này;

e) Văn bản giải trình việc tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (nếu có);

g) Minh chứng về việc đảm bảo điều kiện mở ngành theo quy định;

h) Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành;

i) Các minh chứng khác như: kết quả khảo sát, minh chứng về tổ chức hội thảo, văn bản thỏa thuận hợp tác,...

Điều 17. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Hội đồng KH&ĐT tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo, trong đó phải xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của Nhà trường trên cơ sở Quy định này, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành đối với từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm thẩm định các điều kiện về tên ngành đào tạo, CTĐT, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở.

2. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng KH&ĐT phải được thể hiện bằng biên bản thẩm định và có kết luận cụ thể về việc Nhà trường đã có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện theo quy định hiện hành. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng phải kiểm tra điều kiện thực tế và kiểm tra các minh

chứng cụ thể trước khi kết luận, đồng thời báo cáo Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định.

3. Hội đồng KH&ĐT đủ điều kiện tổ chức họp khi có trên 70% số thành viên tham dự. Đề án được coi là đạt yêu cầu (được thông qua) khi có tối thiểu 3/4 thành viên có mặt bỏ phiếu tán thành.

4. Trường hợp đề án mở ngành được Hội đồng KH&ĐT thẩm định đạt yêu cầu, đề án được thông qua và Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT báo cáo bằng văn bản kết quả thẩm định với Hiệu trưởng. Trường hợp đề án không được thông qua, Hội đồng KH&ĐT phải nêu lý do và Hội đồng xây dựng đề án phải xây dựng lại và hoàn thiện đề án.

Điều 18. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Sau khi được Hội đồng KH&ĐT thông qua và Hội đồng xây dựng đề án mở ngành hoàn thiện đề án và trình Hiệu trưởng.

2. Hiệu trưởng xin ý kiến Hội đồng trường về kế hoạch đầu tư nguồn lực phục vụ cho ngành dự kiến mở.

3. Hiệu trưởng phê duyệt đề án và thực hiện một trong hai trường hợp sau đây:

a) Nếu Nhà trường đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành (ở từng trình độ đào tạo), Hiệu trưởng ra quyết định mở ngành đào tạo và giao khoa/viện quản lý.

b) Trường hợp chưa đủ điều kiện tự chủ mở ngành, đơn vị quản lý đào tạo gửi hồ sơ mở ngành (bao gồm công văn đề nghị mở ngành đào tạo và đề án mở ngành đã được Hiệu trưởng phê duyệt) tới Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định.

4. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo theo quy định, Nhà trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ các ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định): Quyết định mở ngành đào tạo; Đề án mở ngành đào tạo; Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của Trường đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

5. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị quản lý đào tạo công khai trên website của Trường các nội dung: Quyết định mở ngành đào tạo; những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt (chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương CTĐT); danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo, danh sách các địa điểm thực hành, thực tập và cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

6. Hiệu trưởng thành lập Ban chủ nhiệm CTĐT để tiếp tục phát triển CTĐT của ngành được mở trên cơ sở đề xuất của khoa/viện quản lý ngành đào tạo.

Chương III

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 19. Nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo

1. CTĐT dự kiến mở phải phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường.
2. CTĐT thể hiện được triết lý giáo dục của Nhà trường.
3. CTĐT được xây dựng phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đáp ứng chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo.
4. CTĐT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.
5. Có sự tham gia, đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.
6. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT theo quy định.
7. CTĐT được thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8. CTĐT được xây dựng, đánh giá, cập nhật và cải tiến liên tục theo nguyên tắc PDCA (Plan-Do-Check-Act).

Điều 20. Mở chương trình đào tạo

1. Trên cơ sở định hướng và kế hoạch phát triển ngành đào tạo của Nhà trường, nhu cầu của xã hội và điều kiện thực tế của Trường, khoa/viện lập tờ trình đề xuất chủ trương mở CTĐT thuộc ngành hoặc liên ngành đang đào tạo trình Hiệu trưởng.
2. Nội dung trình đề xuất chủ trương mở CTĐT tương tự như đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy định này.
3. Hội đồng KH&ĐT tổ chức thẩm định đề xuất chủ trương mở CTĐT tương tự như thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy định này.
4. Trên cơ sở kết luận thẩm định của Hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng phê duyệt chủ trương mở CTĐT và thành lập Ban chủ nhiệm CTĐT để xây dựng CTĐT.

Điều 21. Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo

1. Ban chủ nhiệm CTĐT có trách nhiệm tổ chức phát triển CTĐT bao gồm: xây dựng, đánh giá, cập nhật và giám sát thực hiện CTĐT. Đối với CTĐT đặc thù (như chương trình tiên tiến, chất lượng cao, song ngữ, định hướng nghề nghiệp), Ban chủ nhiệm có thêm các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định riêng của Trường.
2. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên Ban chủ nhiệm CTĐT như Hội đồng xây dựng đề án mở ngành ngoại trừ thành viên đại diện cho đơn vị quản lý đào tạo. Ban chủ nhiệm CTĐT bao gồm Chủ nhiệm, Thư ký và các ủy viên do trưởng khoa/viện quản lý CTĐT đề xuất.

3. Đối với trường hợp CTĐT kiểu song ngành, CTĐT liên ngành, CTĐT liên kết có yếu tố nước ngoài: các thành viên Ban chủ nhiệm CTĐT có thể từ các khoa/viện có liên quan đến lĩnh vực đào tạo của chương trình hoặc từ các trường đối tác liên kết do đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các khoa viện có liên quan đề xuất.

4. Ban chủ nhiệm CTĐT được Hiệu trưởng quyết định thành lập, điều chỉnh, bổ sung thành viên căn cứ đề xuất của trưởng khoa/viện và đơn vị quản lý đào tạo.

Điều 22. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

1. Quy trình tổ chức xây dựng CTĐT được thực hiện theo các bước sau:

a) Bước 1: Tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp kết hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Bước 2: Xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT dựa trên kết quả bước 1 và gắn với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường;

c) Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng nội dung CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và đáp ứng các quy định của Trường;

d) Bước 4: Đối sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài; với CTĐT cùng ngành, chuyên ngành nhưng ở trình độ khác của Trường để hoàn thiện CTĐT;

đ) Bước 5: Tổ chức xây dựng các đề cương học phần của CTĐT;

e) Bước 6: Tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng khoa/viện, giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT;

g) Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

h) Bước 8: Thẩm định CTĐT;

i) Bước 9: Xin ý kiến Hội đồng KH&ĐT và ban hành CTĐT.

2. Đơn vị quản lý đào tạo xây dựng các hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn các bên liên quan thực hiện quy trình trên.

Điều 23. Thẩm định chương trình đào tạo

1. Hội đồng thẩm định CTĐT được Hiệu trưởng quyết định thành lập, điều chỉnh, bổ sung thành viên căn cứ đề xuất của trưởng khoa/viện và đơn vị quản lý đào tạo. Cơ cấu và tiêu chuẩn Hội đồng thẩm định CTĐT được quy định như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng:

- Số thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;

- Hội đồng thẩm định có 02 ủy viên phân biệt thuộc 02 tổ chức khác nhau và ít nhất 01 người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo (đối với CTĐT đại học), có kinh nghiệm đào tạo cùng ngành và cùng trình độ với ngành đào tạo được thẩm định;

- Các thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT không tham gia Hội đồng thẩm định;

- Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia Hội đồng thẩm định.

b) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- Các thành viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo cần thẩm định; các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT;

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định phải có trình độ tiến sĩ trở lên đối với CTĐT trình độ đại học, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư đối với CTĐT trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; là người có uy tín và kinh nghiệm trong việc xây dựng và thẩm định CTĐT;

- Đối với thành viên là đại diện cho đơn vị sử dụng lao động cho phép có trình độ đại học cùng ngành tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT nhưng chỉ tham gia làm ủy viên Hội đồng thẩm định;

- Trường hợp thẩm định ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo, Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất 1 công trình khoa học liên quan đến ngành cần thẩm định.

2. Yêu cầu đối với việc thẩm định CTĐT:

a) Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

b) Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung; hoặc Hội đồng thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung; hoặc Hội đồng không thông qua CTĐT và nêu lý do không thông qua;

3. Hội đồng thẩm định CTĐT làm việc theo nguyên tắc sau:

a) Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Ủy viên Thư ký gửi hồ sơ mở ngành đến các thành viên Hội đồng thẩm định chậm nhất 15 ngày trước khi họp.

b) Không tổ chức họp thẩm định CTĐT khi thành viên Hội đồng có mặt dưới 05 người hoặc vắng mặt quá 01 người, vắng chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký.

c) Hội đồng tổ chức họp thẩm định CTĐT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và đề xuất với Ban chủ nhiệm CTĐT xem xét, chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT.

d) CTĐT được thông qua khi có tối thiểu 3/4 thành viên có mặt bỏ phiếu đạt yêu cầu.

4. Sau khi có kết quả thẩm định, Ban chủ nhiệm CTĐT có trách nhiệm:

a) Giải trình bằng văn bản về việc điều chỉnh, bổ sung CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế theo kết luận của Hội đồng thẩm định (nếu có);

b) Chính sửa và hoàn thiện CTĐT và hồ sơ theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

5. Đơn vị quản lý đào tạo xây dựng các hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để Hội đồng thẩm định làm việc.

Điều 24. Xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo và ban hành chương trình đào tạo

1. CTĐT sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua được chuyển đến Hội đồng KH&ĐT để lấy ý kiến.

2. Hội đồng KH&ĐT tổ chức rà soát và cho ý kiến về dự thảo CTĐT theo các quy định hiện hành.

3. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng quyết định ban hành và áp dụng CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT được điều chỉnh, cập nhật và giao khoa/viện quản lý.

Điều 25. Quản lý chương trình đào tạo

1. Mỗi CTĐT do một khoa/viện quản lý và được gán một mã số do Trường quy định.

2. Trường hợp CTĐT theo kiểu song ngành, đa ngành hoặc liên ngành, CTĐT có yếu tố nước ngoài, chương trình đặc thù, Trường sẽ giao một khoa/viện có đảm nhận chuyên môn nhiều nhất quản lý.

3. Ban chủ nhiệm CTĐT giúp trưởng khoa/viện trong việc giám sát thực hiện chương trình và điều chỉnh CTĐT khi cần thiết.

Điều 26. Quản lý học phần

1. Mỗi học phần do một bộ môn có chuyên môn phù hợp quản lý và được gán một mã số do Trường quy định. Trường hợp học phần không có bộ môn phù hợp quản lý, đơn vị quản lý đào tạo sẽ trực tiếp quản lý.

2. Phân công bộ môn quản lý học phần:

a) Đối với học phần giáo dục tổng quát: đơn vị quản lý đào tạo làm việc với khoa/viện và bộ môn liên quan để thống nhất và trình Hiệu trưởng ban hành quyết định phân công quản lý học phần;

b) Đối với học phần cơ sở ngành, chuyên ngành: Ban chủ nhiệm CTĐT trao đổi với khoa/viện và bộ môn liên quan để thống nhất phân công bộ môn phù hợp quản lý học phần và gửi đề nghị đến Hiệu trưởng (qua đơn vị quản lý đào tạo). Đơn vị quản lý đào tạo rà soát các đề nghị, phản hồi Ban chủ nhiệm CTĐT, khoa/viện liên quan nếu cần thiết và trình Hiệu trưởng ban hành quyết định phân công quản lý học phần;

c) Việc rà soát, điều chỉnh phân công bộ môn quản lý học phần được thực hiện

khi có đề xuất của khoa/viện, bộ môn hoặc khi có yêu cầu của Hiệu trưởng và định kỳ vào tháng 6 hàng năm.

3. Phụ trách học phần:

a) Mỗi học phần do một nhóm giảng viên có chuyên môn phù hợp phụ trách, trong đó có một giảng viên được phân công làm chủ nhiệm học phần. Trường hợp học phần có nhiều giảng viên phụ trách có thể có phó chủ nhiệm học phần.

b) Chủ nhiệm học phần chủ trì nhóm giảng viên phụ trách học phần có nhiệm vụ: xây dựng đề cương học phần mới, đánh giá và cập nhật đề cương học phần hiện có; xây dựng, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần; và giám sát việc dạy học học phần theo quy định và hướng dẫn của Trường.

4. Phân công phụ trách học phần:

a) Trưởng bộ môn quản lý học phần làm việc với bộ môn và giảng viên liên quan trong và ngoài khoa/viện, bộ môn để thống nhất đề nghị với trưởng khoa/viện phân công giảng viên phụ trách học phần, trong đó giới thiệu giảng viên làm chủ nhiệm học phần. Trưởng khoa/viện rà soát, điều chỉnh và phản hồi nếu cần thiết gửi đề nghị đến Hiệu trưởng (qua đơn vị quản lý đào tạo) xem xét phê duyệt;

b) Đơn vị quản lý đào tạo rà soát các đề nghị, phản hồi khoa/viện nếu cần thiết và trình Hiệu trưởng ban hành quyết định phân công giảng viên phụ trách học phần;

c) Việc rà soát, điều chỉnh phân công giảng viên phụ trách học phần được thực hiện khi có yêu cầu và định kỳ vào tháng 6 hàng năm.

Điều 27. Giám sát, điều chỉnh chương trình đào tạo và học phần

1. CTĐT được giám sát hàng năm bởi Ban chủ nhiệm CTĐT. Học phần được giám sát từng học kỳ bởi nhóm giảng viên phụ trách học phần.

2. CTĐT được xem xét điều chỉnh nếu phát hiện những bất cập qua quá trình giám sát hàng năm, qua đề nghị hợp lý của các bên liên quan hoặc có sự thay đổi theo quy định của Nhà nước.

3. Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần được xem xét điều chỉnh nếu phát hiện những bất cập qua giám sát từng học kỳ hoặc có đề nghị hợp lý từ các bên liên quan.

4. Đơn vị quản lý đào tạo hướng dẫn khoa/viện, bộ môn, Ban chủ nhiệm CTĐT và nhóm giảng viên phụ trách học phần tổ chức giám sát quá trình đào tạo, điều chỉnh CTĐT và học phần.

Điều 28. Yêu cầu đối với đánh giá chương trình đào tạo

1. Xác định những điểm mạnh và tồn tại, hạn chế của CTĐT hiện hành bao gồm cả chương trình dạy học, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến bảo đảm chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá CTĐT cần toàn diện, khách quan, trung thực, chỉ ra được cụ thể vấn

đề tồn tại để có kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

3. Đánh giá CTĐT phải dựa trên minh chứng, dữ liệu cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy.

4. Đánh giá CTĐT phải có sự tham gia của các khoa/viện, bộ môn tham gia đào tạo, các phòng/trung tâm và các bên liên quan khác.

5. Quan tâm đến yêu cầu/nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đơn vị sử dụng lao động, cơ quan quản lý, người học đã tốt nghiệp, ...

6. CTĐT được định kỳ đánh giá theo chu kỳ tối đa là 05 năm.

Điều 29. Quy trình đánh giá chương trình đào tạo

1. Đánh giá CTĐT được thực hiện qua các bước sau:

a) Bước 1: Ban chủ nhiệm CTĐT tiến hành họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, kế hoạch, cách thức triển khai, chuẩn bị các nguồn lực và phân công trách nhiệm cho các thành viên;

b) Bước 2: Ban chủ nhiệm CTĐT tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT bằng các hình thức phù hợp như dùng bảng khảo sát, phỏng vấn hoặc tổ chức hội thảo lấy ý kiến;

c) Bước 3: Ban chủ nhiệm CTĐT tổ chức đối sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài và so chuẩn CTĐT với một hoặc một vài bộ tiêu chuẩn kiểm định mà CTĐT dự kiến sẽ áp dụng;

d) Bước 4: Ban chủ nhiệm CTĐT tổ chức đánh giá CTĐT dựa theo Khung đánh giá CTĐT theo hướng dẫn của Trường;

đ) Bước 5: Ban chủ nhiệm CTĐT tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng khoa/viện, giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về dự thảo Bản đánh giá CTĐT để hoàn thiện;

e) Bước 6: Hội đồng thẩm định CTĐT tổ chức thẩm định Bản tự đánh giá CTĐT theo quy định và hướng dẫn của Trường;

g) Bước 7: Ban chủ nhiệm CTĐT hoàn thiện Bản tự đánh giá CTĐT sau thẩm định và nộp cho đơn vị quản lý đào tạo.

2. Đơn vị quản lý đào tạo xây dựng các hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn các bên liên quan thực hiện quy trình trên.

Điều 30. Yêu cầu đối với cập nhật chương trình đào tạo

1. CTĐT phải được cập nhật theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với những thay đổi và tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật - công nghệ thuộc ngành, chuyên ngành và các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến CTĐT.

2. CTĐT cập nhật phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá CTĐT, đáp ứng nhu cầu của xã hội dựa trên phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, dựa trên đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; có tính kế thừa, đổi mới và phát triển.

3. Đảm bảo thực hiện theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT; phản ánh triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường Đại học Nha Trang.

4. Cần phải đối sánh với các CTĐT tương ứng của các trường trong và ngoài nước.

5. Có tính mềm dẻo, liên thông dọc và ngang, có tính liên ngành, tích hợp và mô-đun hóa để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học; xem xét các khía cạnh thực tiễn trong quá trình đào tạo hiện nay và trong tương lai gần nhằm thu hút người học và nâng cao hiệu quả tổ chức đào tạo.

6. Thiết kế CTĐT thể hiện cả hai mặt gồm pháp lý và học thuật. CTĐT được xây dựng phải tuân thủ các quy định về mặt pháp lý của Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng cũng thể hiện quyền tự chủ trong chuyên môn và học thuật của Nhà trường.

Điều 31. Quy trình cập nhật chương trình đào

1. Quy trình tổ chức cập nhật CTĐT được thực hiện theo các bước sau:

a) Bước 1: Ban chủ nhiệm CTĐT tổ chức đánh giá CTĐT theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Quy định này;

b) Bước 2: Ban chủ nhiệm CTĐT xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT dựa trên kết quả bước 1 và gắn với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường;

c) Bước 3: Ban chủ nhiệm CTĐT xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng nội dung CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và đáp ứng các quy định của Trường;

d) Bước 4: Ban chủ nhiệm CTĐT tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng khoa/viện, giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về dự thảo khung CTĐT cập nhật để hoàn thiện;

đ) Bước 5: Ban chủ nhiệm CTĐT phối hợp với đơn vị quản lý, khoa/viện và bộ môn có liên quan tổ chức xây dựng, cập nhật đề cương học phần của CTĐT;

e) Bước 6: Hội đồng thẩm định CTĐT tổ chức thẩm định CTĐT cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Trường;

g) Bước 7: Ban chủ nhiệm CTĐT phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo xin ý kiến Hội đồng KH&ĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT.

2. Đơn vị quản lý đào tạo xây dựng các hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn các bên liên quan thực hiện quy trình trên.

Điều 32. Dừng chương trình đào tạo

1. Điều kiện dừng CTĐT: CTĐT bị dừng thực hiện nếu rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với ngành đào tạo, chuyên ngành đào tạo, CTĐT đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ đại học) và 05 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ) không tuyển sinh được hoặc số lượng không đủ điều kiện mở lớp thì quyết định mở ngành đối với ngành này hoặc CTĐT này hết hiệu lực;

b) CTĐT được kiểm định không đạt và không đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;

c) Ngành đào tạo bị cơ quan quản lý đình chỉ hoạt động.

2. Hiệu trưởng quyết định dừng CTĐT trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị quản lý đào tạo và thông qua Hội đồng KH&ĐT.

Điều 33. Tiếp tục chương trình đào tạo

1. CTĐT được tiếp tục thực hiện nếu đáp ứng một trong các trường hợp sau đây:

a) Xã hội tiếp tục có nhu cầu về CTĐT (thông qua khảo sát) nếu lý do dừng chương trình là điểm a, khoản 1, Điều 32 của Quy định này; trong trường hợp này, nếu muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành bị dừng, phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành như một ngành mới;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng được tăng cường đáp ứng quy định nếu lý do dừng chương trình là điểm b, khoản 1, Điều 32 của Quy định này;

c) Ngành đào tạo bao hàm CTĐT được cơ quan quản lý cho phép hoạt động trở lại nếu lý do dừng chương trình là điểm c, khoản 1, Điều 32 của Quy định này.

2. Hiệu trưởng quyết định tiếp tục CTĐT trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa/viện quản lý CTĐT, trưởng đơn vị quản lý đào tạo và thông qua Hội đồng KH&ĐT.

Điều 34. Chuyển chương trình đào tạo sang ngành đào tạo khác

1. Trong trường hợp phải dừng hoạt động ngành đào tạo vì các lý do tại khoản 1 Điều 32 của Quy định này hoặc do Nhà trường quy hoạch lại các ngành đào tạo, CTĐT thuộc ngành đào tạo bị dừng được chuyển thành chuyên ngành đào tạo của ngành khác thuộc cùng nhóm ngành đào tạo trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học mà Nhà trường đang tổ chức đào tạo.

2. Hiệu trưởng quyết định việc chuyển CTĐT sang ngành đào tạo khác trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa/viện quản lý CTĐT, trưởng đơn vị quản lý đào tạo và thông qua Hội đồng KH&ĐT.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1. Hội đồng KH&ĐT có trách nhiệm tư vấn cho Hiệu trưởng về định hướng, kế hoạch phát triển ngành đào tạo của Trường; tổ chức thẩm định hoặc cho ý kiến về việc mở ngành đào tạo; mở, dừng và tiếp tục CTĐT.

2. Tùy yêu cầu công việc, Hội đồng KH&ĐT có thể giao cho tiểu ban chuyên môn phù hợp thuộc Hội đồng hoặc có thể đề xuất Hiệu trưởng mời một số thành viên có chuyên môn phù hợp tham gia thực hiện một số nội dung theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị quản lý đào tạo

1. Chủ trì và phối hợp với các khoa, viện lập kế hoạch phát triển ngành đào tạo, và CTĐT; tham mưu cho lãnh đạo Trường trong công tác phát triển CTĐT.

2. Quản lý, theo dõi việc mở ngành và phát triển CTĐT.

3. Xây dựng các quy định, quy trình, biểu mẫu hướng dẫn mở ngành và phát triển CTĐT.

4. Báo cáo kết quả phát triển CTĐT theo yêu cầu của Hiệu trưởng và trình đề án mở ngành đã được thẩm định để Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

5. Thực hiện công khai đề án mở ngành, CTĐT theo quy định.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Hiệu trưởng.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của khoa/viện

1. Trưởng các khoa/viện phải tổ chức nghiên cứu và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và chiến lược phát triển đào tạo của Nhà trường theo từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, đề xuất và phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch phát triển ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng giai đoạn.

2. Căn cứ kế hoạch phát triển ngành hoặc CTĐT, năng lực đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, Trưởng khoa/viện làm tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo theo Điều 12 của Quy định này.

3. Đề xuất danh sách hội đồng xây dựng đề án mở ngành; phối hợp với Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định CTĐT.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ và tiến độ xây dựng đề án mở ngành, xây dựng hoặc cập nhật CTĐT.

5. Trao đổi với đơn vị quản lý đào tạo để tháo gỡ các vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc trong quá trình xây dựng đề án mở ngành.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị có liên quan

Các đơn vị có liên quan trong Trường như Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành, Trung tâm Phục vụ Trường học, Thư viện có nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo và các khoa/viện rà soát điều kiện mở ngành; tham mưu, xây dựng và trình Hiệu trưởng kế hoạch triển khai đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; đầu tư cơ sở vật chất, học liệu, và các yếu tố khác đáp ứng điều kiện mở ngành và phát triển CTĐT theo quy định.
2. Hỗ trợ, cung cấp thông tin và thực hiện xác nhận các văn bản trong hồ sơ mở ngành có liên quan đến các đơn vị nói trên.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang và Quyết định số 777/QĐ-ĐHNT ngày 06/7/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.



Trang Sĩ Trung